TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN QUỲNH LƯU - NGHỆ AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 25-7-2017.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đóa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Hữu Thỏa
2. Bà Đỗ Thị Hằng

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Phan Lệ Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại hội trường Tòa án huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 133/2017/TLST - HNGĐ ngày 08/5/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/QĐXX- ST ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Đinh Trọng C, sinh năm 1987. Có mặt
Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Vắng mặt
Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2017, bản tự khai cũng như quá trình tố tụng tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Trọng C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 11/01/2010. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị T ngoại tình với người đàn ông khác. Hiên nay hai vợ chồng đang sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh Đinh Trọng C và chị Nguyễn Thị T có với nhau có hai người con chung là Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 27/11/2010 và Đinh Trọng Đ, sinh ngày 16/9/2015. Hiện nay con Đinh Thị Thùy L đang ở với anh, con Đinh Trọng Đ từ khi ly thân con ở với chị T. Nguyện vọng của

anh sau khi ly hôn anh xin được nuôi con Đinh Thị Thùy L và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Đinh Trọng Đ thì anh đề nghị để con được ở với mẹ là Nguyễn Thị T.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T rất nhiều lần nhưng chị T không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên không có lời khai của chị T. Tòa án chỉ nhận được đơn xin ly hôn của chị T viết và thư chị T gửi cho anh C có nội dung với lý do chị T thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị với anh C không còn hợp nhau nữa, không có hạnh phúc, chị đã làm một việc có lỗi với anh C nên xin được ly hôn. Chị xin được quyền nuôi con nhỏ là Đinh Trọng Đ còn con lớn là Đinh Thị Thùy L chị giao cho anh C nuôi. Về tài sản chị không lấy bất cứ tài sản nào mà để lại cho chồng và con.

Tại biên bản xác minh ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q được bà Hồ Thị N, Chủ tịch Hội phụ nữ xã T cho biết: Anh Đinh Trọng C và chị Nguyễn Thị T hiện nay không còn chung sống với nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẩn vợ chồng là do anh C nghi ngờ con thứ hai là cháu Đinh Trọng Đ, sinh năm 2015 không phải là con của anh C mà là con của chị T với người đàn ông khác. Hai vợ chồng đã đi xét nghiệm AND nhưng kết quả như thế nào bà N không biết. Vợ chồng có hai người con, cháu đầu là con gái hiện nay đang ở với bố ở địa phương, còn cháu thứ hai là con trai hiện đang sống với mẹ là chị T, sống ở đâu địa phương không nắm rõ.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đinh Trọng C được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ con cái: Giao con chung là Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 27/11/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; Giao con chung là Đinh Trọng Đ, sinh ngày 16/9/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C và chị T vì chưa ai yêu cầu.

Anh C và chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

Về quan hệ tài sản: Anh C không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh C phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Q đã triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Đinh Trọng C và chị Nguyễn Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo anh C là do chị T ngoại tình với người đàn ông khác, hai vợ chồng đã sống ly thân. Anh C xác định hiện tại anh không còn tình cảm với chị T nữa vì mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh Đinh Trọng C được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[2]. Về quan hệ con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 27/11/2010 và Đinh Trọng Đ, sinh ngày 16/9/2015. Hiện nay con Đinh Thị Thùy L đang ở với anh C, con Đinh Trọng Đ đang ở với chị T. Nguyện vọng của anh C xin được nuôi con Đinh Thị Thùy L và cháu L cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, cần giao con chung là Đinh Thị Thùy L cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là Đinh Trọng Đ cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh C và chị T vì chưa ai yêu cầu.

Anh C, chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

[3]. Về quan hệ tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí:

Anh Đinh Trọng C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51,56,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Đinh Trọng C và chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 27/11/2010 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Giao con chung là Đinh Trọng Đ, sinh ngày 16/9/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh C và chị T vì chưa ai yêu cầu.

2.4. Anh C và chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Anh C không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Anh Đinh Trọng C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai thu tiền số 0004593, ngày 08/5/2017.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND huyện Q;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã T.

Phan Thị Đóa